TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 21- 5- 2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Thị Thanh**

2. Ông **Bùi Văn Khanh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lý Ngọc Thuý Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 366/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc **"*Tranh chấp ly hôn*"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Chị **D**** T** M** Em**, sinh năm 19** – xin vắng mặt.

Địa chỉ: số 93/3 ấp ANA, xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh **P*** T**** Triều**, sinh năm 19** - Vắng mặt.

Địa chỉ: tổ 30, k1, p CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2023, chị D**** T** M** Em trình bày:** Vào năm 2009 tôi và anh P*** T**** Triều có quen biết tìm hiểu nhau nhưng không tổ chức lễ cưới được gia đình hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã TA, huyện TP, tỉnh Bến Tre theo số 37 ngày 28/9/2017. Trong thời gian sống chung chúng tôi không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết. Quá trình chung sống do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng tôi thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Vợ chồng tôi đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Em yêu cầu được ly hôn với anh P*** T**** Triều.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh P*** T**** Triều vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, không cung cấp bản khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, chị D**** T** M** Em có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh P*** T**** Triềuđược triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng; Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ gia đình giữa chị D**** T** M** Em với anh P*** T**** Triều không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Em, anh Triều có nhiều mâu thuẫn như: Do khó khăn về

kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Chị Em, anh Triều đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Em. Cho chị D**** T** M** Em được ly hôn với anh P*** T**** Triều.

[4] Về con chung: Chị Em và anh Triều không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Em không yêu cầu giải quyết. Anh Triều không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Em trình bày không yêu cầu giải quyết. Anh Triều không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị D**** T** M** Em phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012341, ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị Em không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56 và 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D**** T** M** Em.

1/ Về hôn nhân: Cho chị D**** T** M** Em được ly hôn với anh P*** T**** Triều.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Chị Em không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4/ Về nợ chung: Chị Em không yêu cầu Toà án giải quyết, không xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị D**** T** M** Em phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012341, ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị Em không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND xã AT, huyện TP, tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết